

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 152/2024/HS-ST
Ngày 08-08-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Tôn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Quách Đình Hoảng

Ông Huỳnh Thế Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quang Ân - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Quỳnh Như - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 137/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Văn T** (tên gọi khác: **Đ**), sinh ngày 20 tháng 10 năm 1989 tại Thừa Thiên Huế.

Nơi cư trú: **Số C đường P, thôn C xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai**; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Văn C**, sinh năm 1958 và bà **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1958; bị cáo có vợ: **Vũ Thị Thanh V**, sinh năm 2001 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2021;

Tiền án: 01 lần. Tại Bản án số 53/2022/HS-ST ngày 04-5-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử tuyên phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo chấp hành án tại **Trại giam G** thuộc **Bộ C2**, đến ngày 15-10-2023 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Về nhân thân: Tại Bản án số 33/2006/HSST ngày 20-12-2006 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử tuyên phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành án tại Trại tạm giam **Công an tỉnh Gia Lai**. Đến ngày 22/01/2007, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và đã thi hành xong các hình phạt khác.

Bị cáo **Văn T** bị tạm giữ từ ngày 22-01-2024 đến ngày 31-01-2024, sau đó

bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Văn C, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn C, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt;

- Người tham gia tố tụng khác: Người chứng kiến ông Phan Hữu D, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn C, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Văn Tài sử dụng ma túy từ khoảng thời gian cuối năm 2021. Thông qua các mối quan hệ xã hội, T biết số điện thoại của một người tên L (không rõ nhân thân, lai lịch) là người có bán ma túy. Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên vào khoảng 13 giờ ngày 18-01-2024, T gọi điện thoại cho L hỏi mua ma túy với giá tiền 2.000.000 đồng, L đồng ý bán và hẹn gặp T tại khu vực cổng B nước thuộc xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Sau đó, T đón xe ôm của một người (không rõ họ tên, nhân thân, lai lịch) chở T đi đến điểm hẹn và đã mua của L 01 túi nilon bên trong có chứa ma túy rồi đi xe ôm về nhà ở tại số C đường P, xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Tại nhà, T dùng giấy vệ sinh bọc quanh túi nilon chứa ma túy và đem cất giấu dưới trụ bê tông ngay trước cửa ra vào nhà.

Khoảng 13 giờ ngày 22-01-2024 tại nhà, T lấy một ít ma túy trong gói ma túy đã mua rồi sử dụng. Số ma túy còn lại, T tiếp tục dùng giấy vệ sinh quấn kín lại và cất giấu tại vị trí cũ với mục đích để sử dụng dần. Đến 16 giờ 45 phút cùng ngày, khi T đang ở nhà thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai phối hợp cùng Công an xã B, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai bắt quả tang cùng vật chứng, gồm: 01 túi nilon bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể (được niêm phong theo quy định) và 01 chiếc điện thoại hiệu Iphone màu vàng đồng cùng thẻ sim.

b) Về các vấn đề khác của vụ án:

Tại bản kết luận giám định số 169/KL-KTHS ngày 30-01-2024 của Phòng K - Công an tỉnh G, kết luận: “Chất màu trắng dạng tinh thể trong 01 (một) túi nilon được niêm phong trong bì công văn (mô tả tại mục mẫu cần giám định) là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 5,8909 gam”.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về Kết luận giám định số 169/KL-KTHS, ngày 30-01-2024 của Phòng K, Công an tỉnh G.

Dụng cụ mà T dùng để sử dụng ma túy đã bị vỡ sau khi sử dụng, T đã vứt và không xác định được vị trí vứt ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đồng kèm sim số là của bị cáo T và bị cáo đã sử dụng liên lạc với đối tượng L để mua ma túy.

Vật chứng của vụ án, gồm: Chắt ma túy còn lại sau khi giám định trong 01 bì công văn dán kín, ghi “Số 169/PC09 ngày 30 tháng 01 năm 2024” có dấu niêm phong của Phòng K Công an tỉnh Gia Lai; 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đồng kèm thẻ sim (mặt sim có dãy số 8984 04800 09222 12495). Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku ra quyết định đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku chuyển toàn bộ vật chứng nêu trên đến Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku để quản lý, chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 152/CT-VKS, ngày 24-06-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Văn T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai bổ sung về ông Văn C là cha ruột của bị cáo ở cùng nhà với bị cáo tại số C đường P, thôn C xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên, việc bị cáo mua ma túy mang về cất giấu và sử dụng thì ông Văn C không biết nên không có căn cứ để xử lý.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và không có ý kiến gì về nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã truy tố. Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về hành vi của bị cáo Văn T; đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Văn T mức án từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù.

Qua xác định bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy 01 bì công văn dán kín ghi số 169/PC09 ngày 30-01-2024 có dấu niêm phong của Phòng K Công an tỉnh G.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đồng kèm thẻ sim là của bị cáo đã dùng để liên lạc mua ma túy.

Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Văn T không có ý kiến tranh luận về lời luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku.

Bị cáo **Văn T** nói lời nói sau cùng: Thưa Hội đồng xét xử hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an thành phố Pleiku**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo **Văn T** là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, của người chứng kiến và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Vào lúc 16 giờ 45 phút ngày 22-01-2024 tại nhà ở **số C đường P, thôn C xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai**, khi **T** đang cất giấu 5,8909 gam ma túy loại Methamphetamine thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra về ma túy **Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai** cùng **Công an xã B, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai** phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng.

[3] Hành vi cất giữ 5,8909 gam ma túy loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng do bị cáo **Văn T** thực hiện, xâm phạm chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy. Nhà nước nghiêm cấm việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép, nhưng bị cáo đã thực hiện nên hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku đã truy tố bị cáo **Văn T** là có căn cứ.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai là có cơ sở.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ngày 22-01-2024), bị cáo đã bị kết án về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo Bản án số 53/2022/HSST ngày 04-05-2022 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tuy bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 15 tháng 10 năm 2023, và đã thực hiện xong các quyết định khác của bản án nhưng chưa được xóa án tích theo quy định tại khoản 2 Điều 70 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, mà lại cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, nên bị cáo **Văn T** phải chịu tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*”

được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai là có căn cứ chấp nhận.

[6] Bị cáo **Văn T** là người đã trưởng thành, đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được việc tàng trữ ma túy để sử dụng là hành vi nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo cũng là người có sử dụng ma túy, nhận thức được tính nguy hiểm của ma túy đối với sức khỏe của con người và cũng là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm khác; bị cáo có nhân thân xấu đồng thời có tiền án về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” nhưng không hoàn lương, tu chí làm ăn, đã bất chấp pháp luật cố ý cất giữ 5,8909 gam ma túy loại Methamphetamine với mục đích sử dụng cho nhu cầu cá nhân của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải tiếp tục áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, mới có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có tài sản riêng. Do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Đối với đối tượng tên **L** là người mà bị cáo **T** khai đã bán ma túy cho **T**: Do bị cáo **T** không biết được nhân thân, lai lịch; Cơ quan điều tra đã tiến hành mở danh bạ điện thoại, nhật ký cuộc gọi, tin nhắn trong chiếc điện thoại đã thu giữ của **T** nhưng do **T** không lưu số điện thoại của **L**, sau khi liên lạc với **L** xong, **T** đã xóa các thông tin liên lạc và nhật ký cuộc gọi trong điện thoại do đó không xác định được số điện thoại của đối tượng **L**, không xác định được các nội dung liên quan đến việc mua bán chất ma túy. Đồng thời, đã tiến hành xác minh tại **xã B, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai** nhưng chưa xác định được đối tượng tên **L** có liên quan đến hoạt động mua bán ma túy, nên chưa có căn cứ để điều tra, xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố Pleiku** tiếp tục xác minh, khi nào xác định được sẽ xem xét, xử lý sau. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với ông **Văn C** là cha ruột của bị cáo **Văn T** ở cùng nhà với bị cáo tại **số C đường P, thôn C xã B, thành phố P, tỉnh Gia Lai**. Tuy nhiên, việc bị cáo mua ma túy mang về cất giấu và sử dụng thì ông **Văn C** không biết nên không có căn cứ để xử lý. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập.

[10] Về vật chứng: Đối với chất ma túy còn lại sau giám định, trong 01 bì công văn dán kín ghi số 169/PC09 ngày 30-01-2024, có dấu niêm phong của **Phòng K Công an tỉnh Gia Lai**, thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên cần phải tịch thu tiêu hủy.

[11] Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đồng kèm thẻ sim là của bị cáo **Văn T** và bị cáo đã sử dụng để liên lạc mua ma túy, nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[12] Đối với dụng cụ mà bị cáo **T** dùng để sử dụng ma túy đã bị vỡ sau khi sử dụng, bị cáo đã vứt đi và không xác định được vị trí vứt ở đâu nên Cơ quan điều tra không thu giữ được, do đó không đề cập.

[13] Về án phí: Bị cáo **Văn T** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Văn T** phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Văn T** 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 22 tháng 01 năm 2024).

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bì công văn dán kín ghi số 169/PC09 ngày 30 tháng 01 năm 2024 có dấu niêm phong của **Phòng K Công an tỉnh Gia Lai**.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đồng kèm thẻ sim (mặt sau sim có dãy số 8984 04800 09222 12495). (điện thoại cũ, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong).

*(Tất cả vật chứng nêu trên có số lượng, đặc điểm theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa **Công an thành phố Pleiku**, tỉnh Gia Lai và Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai).*

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Văn T** phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP. Pleiku;
- Công an TP. Pleiku;
- Chi cục THADS TP. Pleiku;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Phan Công Tồn

